

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-01-2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hương.

2. Ông Phạm Tuấn Thịnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Quang T - Sinh năm: 1966.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh L.

Nơi ở: Thôn T, xã T, huyện Đ, thành phố H - Vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị B - Sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh L - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2020 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Quang T trình bày:

Anh và chị Vũ Thị B chung sống như vợ chồng từ đầu năm 1994 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, địa phương. Tuy nhiên từ đó đến nay anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau ngày cưới anh chị về chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do năm 2010 bố mẹ anh Trí đều đã già yếu không còn ai chăm sóc, anh Trí đã chuyển về quê sống cùng với bố mẹ để tiện chăm sóc bố mẹ nhưng chị Bẫy không theo anh Trí về quê sinh sống. Anh Trí đã bàn bạc, thuyết phục nhiều lần nhưng chị Bẫy vẫn không thay đổi quyết định, từ đó anh chị luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia

đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị sống ly thân từ năm 2010 đến nay không còn quan tâm đến nhau cả về tình cảm và kinh tế. Bản thân anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bấy theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2020 và tại phiên tòa, chị Vũ Thị B trình bày: Chị và anh Lê Quang T chung sống như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như anh Trí trình bày là đúng. Đến nay anh chị đã sống ly thân, việc anh Trí đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị thì chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí ly hôn với anh Lê Quang T.

Về con chung: Anh Lê Quang T và chị Vũ Thị B có ba người con chung là các cháu Lê Thị Hà Ly, sinh ngày 10/8/1995, cháu Lê Thị Thùy Linh, sinh ngày 10/01/2000 và cháu Lê Thị Na, sinh ngày 07/9/2005. Hiện nay cháu Ly và cháu Linh đã trên 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Lê Thị Na, khi ly hôn anh Trí đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Bấy là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Na đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Trí không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung thì chị Bấy cũng nhất trí.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Lê Quang T và chị Vũ Thị B tự thỏa thuận về tài sản không đề nghị Tòa án giải quyết và anh chị đều xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ chung.

Tại phiên tòa, anh Lê Quang T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đã được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Quang T và chị Vũ Thị B. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Na, sinh ngày 07/9/2005 cho chị Vũ Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Quang T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Quang T khởi kiện xin ly hôn với chị Vũ Thị B đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật, anh Lê Quang T và chị Vũ Thị B đều đăng ký hộ khẩu tại xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 28 và Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vụ án này, Tòa án không hòa giải về quan hệ hôn nhân vì các đương sự không đăng ký kết hôn. Toà án đã tiến hành phiên họp công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và hòa giải về việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung sau khi ly hôn theo quy định. Tại phiên toà, anh Lê Quang T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Quang T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quang T và chị Vũ Thị B đều xác nhận chung sống như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh Trí cũng đã có đơn và được Ủy ban nhân dân xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng xác nhận anh Lê Quang T và chị Vũ Thị B không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng là đúng.

Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do năm 2010 bố mẹ anh Trí đều đã già yếu không còn ai chăm sóc, anh Trí đã chuyển về quê sống cùng bố mẹ để tiện chăm sóc cho ông bà nhưng chị Bẫy không theo anh Trí về quê sinh sống nên anh Trí thỉnh thoảng mới có điều kiện về thăm nhà, vợ chồng càng không thông cảm, chia sẻ được với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Từ đó anh chị luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tại phiên toà, anh Lê Quang T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng anh vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Bẫy, còn chị Bẫy cũng nhất trí ly hôn với anh Trí. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống anh, chị có mâu thuẫn và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Quang T và chị Vũ Thị B theo quy định tại Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Lê Quang T và chị Vũ Thị B đều xác nhận, quá trình chung sống anh, chị có ba người con chung là các cháu Lê Thị Hà Ly, sinh ngày 10/8/1995, cháu Lê Thị Thùy Linh, sinh ngày 10/01/2000 và cháu Lê Thị Na, sinh ngày 07/9/2005. Hiện nay các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, cháu Lê Thị Hà Ly và Lê Thị Thùy Linh đều trên 18 tuổi đã có gia đình riêng nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Lê Thị Na, khi ly hôn anh Trí đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Bẫy là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Na đến

đủ 18 tuổi, anh Trí không phải cấp dưỡng phí tồn nuôi con chung thì chị Bảy cũng nhất trí.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị Bảy có công việc ổn định và có thu nhập, chị đang làm nghề chăn nuôi và nấu rượu, thu nhập trung bình hàng tháng là 5.000.000 đồng. Ngoài ra, trong bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng của con chưa đủ tuổi thành niên khi cha mẹ ly hôn, cháu Na có nguyện vọng được ở với chị Bảy. Tại biên bản hòa giải về con chung ngày 06/01/2021 anh Trí và chị Bảy đã thỏa thuận để chị Bảy được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Na đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Trí không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Thị Na cho chị Bảy trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Lê Quang T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Quá trình giải quyết vụ án thì anh Lê Quang T và chị Vũ Thị B tự thỏa thuận về tài sản không đề nghị Tòa án giải quyết và anh chị đều xác nhận không nợ ai, không cho ai vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: Anh Lê Quang T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Quang T và chị Vũ Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Na, sinh ngày 07/9/2005 cho chị Vũ Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lê Quang T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con anh Lê Quang T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Quang T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 00002661 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, anh Lê Quang T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

được bản án hoặc niêm yết bản án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- Đương sự (2);
- UBND xã Xuân Quang;
- Chi cục THADS Bảo Thắng ;
- Lưu HS, TA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bích Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bích Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- Đường sự (2);
- UBND xã Phú Nhuận;
- Chi cục THADS Bảo Thắng ;
- Lưu HS, TA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- Đường sự (2);
- Chi cục THADS Bảo Thắng ;
- Lưu HS, TA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

